

- MS. (2022). "Revolution of Current Dental Zirconia: A Comprehensive Review." *Molecules*; 27(5):1699.
2. **Kongkiatkamon S, Rokaya D, Kengtanyakich S, Peampring C.** (2023). "Current classification of zirconia in dentistry: an updated review." *PeerJ*. 2023;11:e15669
  3. **Al-Dwairi ZN, Al-Sardi M, Goodacre BJ, Goodacre CJ, Al Hamad KQ, Özcan M, Al-Haj Husain N, Baba NZ.** (2023). "Evaluation of Marginal and Internal Fit of Ceramic Laminate Veneers Fabricated with Five Intraoral Scanners and Indirect Digitization." *Materials (Basel)*; 16(6):2181
  4. **Renne W, Ludlow M, Fryml J, Schurch Z, Mennito A, Kessler R, Lauer A.** (2017). "Evaluation of the accuracy of 7 digital scanners: An in vitro analysis based on 3-dimensional comparisons." *J Prosthet Dent*; 118(1):36-42.
  5. **Alhazzawi TF.** (2016). "Advancements in CAD/CAM technology: Options for practical implementation." *J Prosthodont Res*; 60(2):72-84
  6. **Berrendero S, Salido MP, Valverde A, Ferreira A, Pradies G.** (2016). "Influence of conventional and digital intraoral impressions on the fit of CAD/CAM-fabricated all-ceramic crowns." *Clin Oral Investig*; 20(9):2403-2410.
  7. **Al-Atyaa, Zainab, Abdulrahman, Manhal.** (2018). "Comparative evaluation of the marginal and internal fitness of monolithic CAD/CAM zirconia crowns fabricated from different conventional impression techniques and digital impression using silicone replica technique (An in vitro study)." *Biomed & Pharmacol J*; 11:477-490.
  8. **Yuce M, Ulusoy M, Turk AG.** (2019). "Comparison of Marginal and Internal Adaptation of Heat-Pressed and CAD/CAM Porcelain Laminate Veneers and a 2-Year Follow-Up." *J Prosthodont*; 28(5):504-510.

## THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU NĂM 2023

Tô Văn Lành<sup>1</sup>, Nguyễn Tấn Đạt<sup>2\*</sup> Vương Hữu tiến<sup>3</sup>

*Từ khóa:* y tế trường học, giáo dục mầm non.

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Y tế trường học (YTTH) tại các cơ sở giáo dục mầm non đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe trẻ em, góp phần vào mục tiêu giáo dục toàn diện. Tuy nhiên, công tác YTTH hiện đang gặp nhiều khó khăn và thách thức. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng công tác YTTH tại các cơ sở giáo dục mầm non và xác định những thuận lợi cũng như khó khăn trong việc triển khai YTTH trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 117 cơ sở giáo dục mầm non bằng cách sử dụng bộ câu hỏi soạn sẵn. Dữ liệu thu thập được nhập và xử lý qua phần mềm SPSS 27.0. **Kết quả:** Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non đạt yêu cầu về công tác YTTH là 83,8%. Một số yếu tố thuận lợi bao gồm mô hình quản lý hiệu quả, sự phối hợp liên ngành tốt, kinh phí hoạt động được đảm bảo, và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những khó khăn như chính sách đãi ngộ chưa hợp lý, tỷ lệ thanh toán bảo hiểm y tế thấp, và trình độ nhân viên YTTH còn hạn chế. **Kết luận:** Công tác YTTH tại các cơ sở mầm non ở tỉnh Cà Mau vẫn chưa đồng bộ và cần thiết phải tăng cường đào tạo cho nhân viên YTTH, đồng thời đảm bảo các điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai.

### SUMMARY

#### CURRENT STATUS OF SCHOOL HEALTH CARE IMPLEMENTATION IN PRESCHOOL EDUCATION INSTITUTIONS IN CA MAU PROVINCE IN 2023

**Introduction:** School health care (SHC) in preschool education institutions plays a vital role in ensuring children's health and contributes to the goal of comprehensive education. However, the implementation of SHC currently faces numerous difficulties and challenges. **Objectives:** This study aims to describe the status of SHC in preschool education institutions and identify the advantages and challenges in implementing SHC in Ca Mau province in 2023. **Subjects and Research Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted in 117 preschool education institutions using a pre-prepared questionnaire. The collected data were entered and processed using SPSS 27.0 software. **Results:** The percentage of preschool education institutions meeting the requirements for SHC is 83.8%. Some favorable factors include an effective management model, good intersectoral coordination, secured operational funding, and facilities that meet the required standards. However, challenges still exist, such as unreasonable incentive policies, low health insurance reimbursement rates, and limited qualifications of SHC staff. **Conclusion:** The implementation of SHC in preschool institutions in Ca Mau province is still not coordinated, and it is essential to enhance training for SHC staff while ensuring the necessary conditions to improve operational effectiveness in the future.

**Keywords:** school health care, preschool education.

<sup>1</sup>Bệnh Viện Cái Nước (Cà Mau),

<sup>2</sup>Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

<sup>3</sup>Sở Y tế tỉnh Cà Mau

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Tấn Đạt

Email: ntddat@ctump.edu.com

Ngày nhận bài: 23.8.2024

Ngày phản biện khoa học: 20.9.2024

Ngày duyệt bài: 25.10.2024

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trường mẫu giáo đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe và hạnh phúc của trẻ em, ảnh hưởng đến cuộc sống của các em sau này [1]. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe học đường hiện có mặt ở 102 quốc gia, cung cấp dịch vụ trong 16 lĩnh vực, bao gồm các can thiệp quan trọng như tiêm chủng, giáo dục sức khỏe tình dục, sàng lọc thị lực và dinh dưỡng. Tuy nhiên, các lĩnh vực như sức khỏe tâm thần và phòng ngừa bạo lực chưa được chú trọng đúng mức trong nhiều quốc gia [2]. Tại Việt Nam, số trẻ mầm non chiếm gần 1/5 dân số, tương đương gần 20 triệu trẻ em. Y tế trường học (YTTH) có nhiệm vụ đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho học sinh, là một trong những mục tiêu chính của giáo dục toàn diện. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Y tế đã triển khai nhiều hoạt động về YTTH [3]. Tuy nhiên, công tác này vẫn gặp khó khăn: đội ngũ cán bộ y tế thiếu và yếu, chế độ đãi ngộ chưa hợp lý, và nguồn kinh phí còn hạn chế. Sự phối hợp liên ngành trong hoạt động YTTH chưa hiệu quả ở nhiều địa phương [4]. Tại tỉnh Cà Mau, có 131 trường mầm non với tổng số 24.152 trẻ, trong đó công lập chiếm 21.047 trẻ và tư thục 3.105 trẻ [5]. Mặc dù công tác YTTH đang được quan tâm, vẫn chưa có đánh giá cụ thể về thực trạng và những khó khăn trong việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu "Thực trạng triển khai công tác y tế trường học ở các cơ sở giáo dục mầm non tỉnh Cà Mau năm 2023", nhằm mô tả thực trạng YTTH và xác định những thuận lợi, khó khăn, cùng các yếu tố liên quan đến việc triển khai YTTH trong khu vực này.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Các cơ sở giáo dục mầm non và nhân viên y tế trường học tại tỉnh Cà Mau.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Các cơ sở giáo dục mầm non và nhân viên y tế đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Nhân viên y tế có thời gian công tác dưới 1 năm tại cơ sở giáo dục mầm non.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 05/2023 đến tháng 07/2024.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

- Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Lựa chọn toàn bộ 117 trường mầm non tham gia

nghiên cứu.

**- Nội dung nghiên cứu:**

+ Thông tin chung của đối tượng.

+ Thực trạng triển khai YTTH tại các cơ sở giáo dục mầm non, gồm 9 tiêu chí theo Công văn liên tịch số 8898/LT-YT-GDDT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của liên Sở Y tế - Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Xác định thuận lợi, khó khăn và các yếu tố liên quan đến triển khai YTTH tại các cơ sở giáo dục mầm non ở Cà Mau năm 2023.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Phát vấn đối tượng nghiên cứu bằng bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

- **Phân tích số liệu:** Dữ liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 27.0.

**2.3. Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu này đã được sự cho phép của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 1. Đặc điểm cơ sở giáo dục mầm non (n=117)**

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ(%)
<b>Địa điểm:</b> Thành thị	23	19,7
Nông thôn	94	80,3
<b>Loại hình:</b> Công lập	104	88,9
Tư thục	13	11,1
<b>Tổng số lớp</b>	8,62 ± 3,62 (Min: 2; Max: 24)	
<b>Tổng số học sinh/trường</b>	218,37 ± 98,782 (Min: 32; Max: 620)	
<b>Tổng số giáo viên/trường</b>	15,30 ± 7,29 (Min: 2; Max: 36)	
<b>Số học sinh trung bình/lớp</b>	25,5 (Min 11, Max 38)	

Phần lớn các cơ sở giáo dục mầm non nằm ở khu vực nông thôn (80,3%) và đa số là trường công lập (88,9%). Số lớp học trung bình mỗi trường là 8,62, dao động từ 2 đến 24 lớp. Mỗi trường có trung bình 218,37 học sinh, với số lượng học sinh thấp nhất là 32 và cao nhất là 620. Về giáo viên, mỗi trường có trung bình 15,30 giáo viên, thấp nhất là 2 và cao nhất là 36. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 25,5, với khoảng dao động từ 11 đến 38 học sinh (Bảng 1).

**Bảng 2. Đặc điểm của nhân viên YTTH (n=117)**

Thông tin chung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
<b>Nhóm tuổi (TB±SD = 33,81 ± 6,38)</b>	81	69,2

< 30 tuổi	36	30,8
≥ 30 tuổi		
<b>Trình độ học vấn cao nhất</b>		
Trung cấp	103	88,0
Cao đẳng trở lên	14	12,0
<b>Chuyên môn: Y tế</b>	97	82,9
Khác	20	17,1
<b>Thời gian công tác</b>		
< 5 năm	32	27,4
≥ 5 năm	85	72,6
<b>Hình thức lao động</b>		
Hợp đồng	16	13,7
Biên chế	101	86,3
<b>Kiểm nhiệm vụ</b>		
Có	55	47,0
Không	62	53,0

Tuổi đối tượng nghiên cứu chủ yếu ở nhóm dưới 30 tuổi chiếm 69,2%, Trình độ học vấn trình độ trung cấp chiếm đa số với 88,0% số đối tượng. Trình độ chuyên môn y tế chiếm đa số 82,9% và thời gian công tác từ 5 năm trở lên chiếm 72,6%. Thời gian công tác ≥ 5 năm chiếm đa số với 72,6%. Hình thức lao động là biên chế chiếm 86,3% và kiểm nhiệm nhiệm vụ khác chiếm 53,0% (Bảng 2).

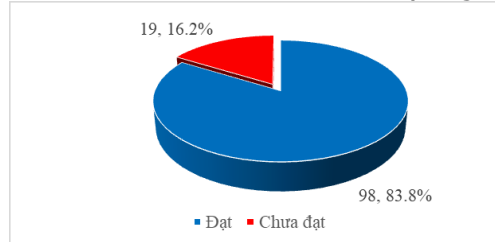
**3.2. Đánh giá công tác YTTH tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2023**

**Bảng 3. Kết quả triển khai công tác YTTH của cơ sở giáo dục mầm non (n=117)**

Các tiêu chí đánh giá	Đạt (n,%)	Chưa đạt (n,%)
Công tác tổ chức và kế hoạch	105 (89,7)	12 (10,3)
Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất	117 (100)	0 (0)
Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường	117 (100)	0 (0)
Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm	116 (99,1)	1 (0,9)
Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng	117 (100)	0 (0)
Bảo đảm các điều kiện về CSSK cho học sinh	111 (94,9)	6 (5,1)
Quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh	117 (100)	0 (0)
Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe	112 (95,7)	5 (4,3)
Tổng kê báo cáo và đánh giá	100 (85,5)	17 (14,5)
<b>Chung</b>	<b>95,98 ± 4,75 (Min:</b>	

**81,0; Max: 100)**

Các tiêu chí đánh giá đạt 100% gồm: Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất; Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng; Quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh. Điểm đánh giá trung bình đạt 95,98 ± 4,75, trong đó điểm thấp nhất là 81,0 và điểm cao nhất là 100 (Bảng 3).



**Biểu đồ 1. Thực trạng công tác YTTH tại các cơ sở giáo dục mầm non**

Biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non có kết quả công tác y tế trường học Đạt chiếm tỷ lệ 83,8% và Chưa đạt chiếm tỷ lệ 16,2%.

**3.3. Một số thuận lợi, khó khăn và yếu tố liên quan triển khai công tác YTTH ở các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2023**

**Bảng 4. Yếu tố thuộc về công tác quản lý, điều hành**

Yếu tố	Có (n,%)	Không (n,%)
Phòng GD&ĐT huyện quản lý	117 (100)	0 (0)
Thành lập Ban chăm sóc sức khỏe	117 (100)	0 (0)
Quyết định phân công đầy đủ thành viên theo quy định	116 (99,1)	1 (0,9)
Xây dựng kế hoạch hoạt động năm đầy đủ các nội dung theo quy định	116 (99,1)	1 (0,9)
Kế hoạch phối hợp liên ngành Giáo dục – Y tế	117 (100)	0 (0)
Triển khai đầy đủ các văn bản của cơ quan cấp trên về YTTH	117 (100)	0 (0)
Chính sách đãi ngộ cho nhân viên YTTH	112 (95,7)	5 (4,3)
Cơ quan phối hợp triển khai YTTH để theo dõi, quản lý sức khỏe học sinh	98 (83,8)	19 (16,2)
Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ	117 (100)	0 (0)
Triển khai quản lý sức khỏe học sinh bằng công nghệ thông tin	117 (100)	0 (0)

Công tác quản lý và điều hành Y tế trường học (YTTH) tại các cơ sở giáo dục mầm non được triển khai rất tốt. Tất cả các trường đều có Phòng GD&ĐT huyện quản lý, Ban chăm sóc sức khỏe, và kế hoạch phối hợp liên ngành Giáo dục – Y tế. Hầu hết các trường (99,1%) có quyết định phân công thành viên và xây dựng kế hoạch hoạt động đầy đủ. Tuy nhiên, việc phối hợp triển khai YTTH với các cơ quan chỉ đạt 83,8%, và chính sách đãi ngộ cho nhân viên YTTH vẫn chưa được đảm bảo đầy đủ (95,7%) (Bảng 4).

**Bảng 5. Yếu tố thuộc về tài chính**

Yếu tố	Có (n,%)	Không (n,%)
Có bố trí kinh phí hoạt động YTTH	115 (98,3)	2 (1,7)
Thực hiện thanh toán BHYT	97 (82,9)	20 (17,1)
Có bố trí kinh phí đầu tư trang thiết bị cho hoạt động YTTH	104 (88,9)	13 (11,1)
Chi thu nhập tăng thêm cho nhân viên YTTH	13 (11,1)	104 (88,9)

Hầu hết các cơ sở giáo dục mầm non đều được bố trí kinh phí chiếm 98,3%, có thực hiện thanh toán BHYT chiếm 82,9% và có bố trí kinh phí đầu tư TTB 88,9% và 11,1% cơ sở có chi thu nhập tăng thêm cho nhân viên YTTH (Bảng 5).

**Bảng 6. Yếu tố thuộc về điều kiện cơ sở vật chất**

Yếu tố	Có (n,%)	Không (n,%)
Trang bị phòng y tế	115 (98,3)	2 (1,7)
Đảm bảo thuốc thiết yếu để CSSK học sinh	61 (52,1)	56 (47,9)
Đảm bảo điều kiện về phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, bàn ghế, chiếu sáng và đồ chơi cho trẻ	23 (19,7)	94 (80,3)
Đảm bảo điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường	13 (11,1)	104 (88,9)
Bảo đảm các điều kiện về ATTP	117 (100)	0 (0)

Phần lớn các cơ sở giáo dục mầm non đã trang bị phòng y tế (98,3%) và đảm bảo an toàn thực phẩm (100%). Tuy nhiên, chỉ 52,1% cơ sở đảm bảo thuốc thiết yếu để chăm sóc sức khỏe học sinh. Đáng chú ý, cơ sở vật chất về phòng sinh hoạt, phòng ngủ và điều kiện cấp thoát nước, vệ sinh môi trường còn thiếu hụt nghiêm trọng, chỉ có 19,7% và 11,1% cơ sở đáp ứng được các yêu cầu này (Bảng 6).

**Bảng 7. Yếu tố thuộc về nhân viên YTTH**

Yếu tố liên quan	Phân tích đơn biến		Phân tích đa biến	
	OR (95%CI)	P	OR (95%CI)	P
<b>Trình độ học vấn</b> Trung cấp Tử cao đẳng trở lên	0,11 (0,01-0,22)	<b>0,043</b>	8,93 (1,07-74,43)	<b>0,043</b>
<b>Chuyên môn</b> Y tế Khác	1,19 (0,11-12,70)	<b>&lt; 0,001</b>	32,34 (4,47-233,97)	<b>&lt; 0,001</b>

Những nhân viên có trình độ tử cao đẳng trở lên có khả năng làm việc hiệu quả hơn, với OR = 8,93 (p = 0,043). Đồng thời, nhân viên có chuyên môn y tế có tác động tích cực rõ rệt hơn so với nhân viên có chuyên môn khác, với OR = 32,34 (p < 0,001) (Bảng 7).

#### IV. BÀN LUẬN

**4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu.** Trong nghiên cứu của chúng tôi, có 80,3% cơ sở giáo dục mầm non nằm ở nông thôn, kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Sookyung Kim khi tỷ lệ trường ở khu vực nông thôn là 84,3% [6]. Số trường công lập chiếm 88,9%, phù hợp với thực tế tại nhiều địa phương. Về quy mô lớp học và số lượng học sinh, các trường tại Cà Mau có số lớp học trung bình 9,64 lớp, với số lượng học sinh trung bình 218,37 học sinh/trường, đảm bảo số lượng học sinh mỗi lớp đạt chuẩn theo Thông tư 49/2021/TT-BGDĐT [7]. Tuổi trung bình của nhân viên y tế trường học (YTTH) tại Cà Mau là 33,81 tuổi, chủ yếu dưới 30 tuổi (69,2%), thấp hơn so với nghiên cứu của Sookyung Kim tại Quảng Trị, với tuổi trung bình 34,3 tuổi [6]. Lực lượng YTTH trẻ này có tiềm năng lớn trong việc nắm bắt nhanh các xu hướng mới và nâng cao chuyên môn. Trình độ học vấn của nhân viên YTTH phần lớn là trung cấp (88,0%), cao hơn đánh giá của Bộ Y tế (80%) [8]. Chuyên môn y tế chiếm 82,9%, vượt qua con số 71% trong báo cáo của Bộ Y tế [8], cho thấy đội ngũ YTTH tại Cà Mau có nền tảng chuyên môn khá tốt. Hầu hết nhân viên có thâm niên công tác  $\geq 5$  năm (72,6%) và làm việc theo chế độ biên chế (86,3%), tuy nhiên phần lớn (53,0%) phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác, phản ánh tình trạng thiếu hụt nhân sự chuyên trách.

**4.2. Đánh giá công tác YTTH tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2023.** Các tiêu chí đánh giá y tế trường học trong nghiên cứu này dựa trên Công

văn liên tịch số 8898/LT-YT-GDĐT và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, với kết quả đạt 100% ở 4 tiêu chí, bao gồm cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, môi trường thực thi chính sách và chăm sóc sức khỏe học sinh. Tuy nhiên, 5 tiêu chí chưa đạt 100%, như công tác tổ chức (89,7%) và an toàn thực phẩm (99,1%) [9]. Điểm trung bình đánh giá đạt  $95,98 \pm 4,75$ . Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non đạt tiêu chuẩn y tế trường học là 83,8%, thấp hơn so với đánh giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau (97,4%). Sự khác biệt này có thể do phương pháp tự đánh giá của các cơ sở giáo dục chưa phản ánh chính xác thực trạng [9].

### 4.3. Một số thuận lợi, khó khăn và yếu tố liên quan triển khai công tác YTTH ở các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2023

**4.3.1. Công tác quản lý, điều hành.** Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các cơ sở giáo dục mầm non đều tuân theo mô hình quản lý y tế học đường với sự giám sát của Phòng GD&ĐT huyện, đồng thời có sự quản lý chặt chẽ khi 100% cơ sở thành lập Ban chăm sóc sức khỏe, triển khai kế hoạch liên ngành Giáo dục - Y tế và quản lý sức khỏe học sinh bằng công nghệ thông tin. Hầu hết các tiêu chí về quản lý và điều hành đạt mức cao, với 99,1% cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định phân công thành viên và xây dựng kế hoạch hoạt động năm. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số khó khăn, như việc chưa đồng đều trong chính sách đãi ngộ cho nhân viên y tế học đường (với 4,3% cơ sở không có chính sách đãi ngộ). Việc phối hợp triển khai y tế trường học giữa các cơ sở tư thục và các trạm y tế xã cũng chưa đồng bộ, khi nhiều cơ sở tư thục chọn phối hợp với phòng khám đa khoa tư nhân, có thể vì tính linh hoạt và dịch vụ đầy đủ hơn so với trạm y tế địa phương [10].

**4.3.2. Công tác tài chính.** Về mặt tài chính, các cơ sở giáo dục mầm non có sự hỗ trợ đáng kể khi 98,3% được bố trí kinh phí và thực hiện thanh toán BHYT, đảm bảo đầu tư trang thiết bị và chi thu nhập tăng thêm cho nhân viên y tế trường học (YTTH). Tuy nhiên, một số khó khăn vẫn tồn tại. Tỷ lệ thanh toán BHYT chỉ đạt 82,9%, do nhân viên YTTH không có chuyên môn y tế theo yêu cầu của cơ quan BHXH. Mặc dù 88,9% cơ sở đã đầu tư trang thiết bị, nhưng chủ yếu là cho công tác khám, chữa bệnh, còn các hạng mục cơ sở vật chất khác như phòng học, vệ sinh cần kinh phí lớn từ ngân sách địa phương và phải qua các thủ tục phức tạp. Đặc biệt, chỉ có 11,1% cơ sở có chi thu nhập tăng thêm cho nhân viên YTTH, do các đơn vị giáo

dục phải tự chủ tài chính và chủ yếu dựa vào học phí [10].

**4.3.3. Điều kiện cơ sở vật chất.** Nghiên cứu cho thấy một điểm tích cực là 98,3% cơ sở giáo dục mầm non có phòng y tế và 52,1% đảm bảo đủ thuốc thiết yếu. Tuy nhiên, các cơ sở vẫn đối mặt với nhiều khó khăn về cơ sở vật chất. Chỉ 19,7% đáp ứng yêu cầu về phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, bàn ghế, chiếu sáng và đồ chơi, và 11,1% đảm bảo điều kiện cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Điều này ảnh hưởng đến điều kiện học tập của học sinh và công việc của nhân viên YTTH. Việc thiết kế cơ sở giáo dục mầm non cần ưu tiên sự an toàn và thoải mái, đồng thời đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn phát triển [10].

**4.3.4. Nhân viên y tế trường học.** Kết quả nghiên cứu cho thấy 100% cơ sở giáo dục mầm non có nhân viên YTTH với trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, đây là điểm tích cực. Tuy nhiên, còn những hạn chế như 18,8% nhân viên chưa được tập huấn về YTTH, và tỷ lệ kiểm nhiệm cao, chiếm 47,0%. Chuyên môn y tế của nhân viên đạt 82,9%. Đáng chú ý, trình độ học vấn và chuyên môn của nhân viên YTTH là hai yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả triển khai công tác YTTH ( $p < 0,05$ ).

## V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm đánh giá trung bình về triển khai công tác y tế học đường đạt  $95,98 \pm 4,75$ , với 83,8% cơ sở giáo dục mầm non có kết quả đạt. Các yếu tố thuận lợi và khó khăn liên quan đến công tác quản lý, điều hành, tài chính, và điều kiện cơ sở vật chất đã được xác định. Đặc biệt, trình độ học vấn và chuyên môn của nhân viên YTTH là hai yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả triển khai công tác YTTH. Cần ưu tiên cải thiện điều kiện cơ sở vật chất và tăng cường đào tạo nhân viên YTTH nhằm nâng cao chất lượng công tác y tế học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trong thời gian tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. D'Onise, K., et al. (2010), "Can preschool improve child health outcomes? A systematic review", *Soc Sci Med.* 70(9), pp. 1423-40.
2. Wang, X., et al. (2021), "Cohort Profile: The Shanghai Children's Health, Education and Lifestyle Evaluation, Preschool (SCHEDULE-P) study", *Int J Epidemiol.* 50(2), pp. 391-399.
3. Nguyễn Thanh Hà, "Thực trạng kiến thức, thái độ, kĩ năng (KAS) của cán bộ y tế trường học tại các Trường Tiểu học thành phố Thái Nguyên trong chăm sóc người bệnh tại mũi họng".
4. Đoàn Long Vinh (2023), "Đánh giá kiến thức,

- thái độ và thực hành của giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên y tế tại trường học trong việc phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2022", Tạp chí Y dược Cần Thơ (60), pp. 165-172. <https://doi.org/10.58490/ctump.2023i60.1884>
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau (2023)**, Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 tại tỉnh Cà Mau.
  - Kim, S., et al. (2020)**, "Prioritizing Training Needs of School Health Staff: The Example of Vietnam", Int J Environ Res Public Health. 17(15).
  - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021)**, Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thực.
  - Adline, Shinga Mkiwa and Ashiono, Benard L. (2023)**, "Physical facilities availability on children attendance in public pre-primary schools in mwatate sub-county, Kenya", IJRDO-Journal of Applied Science. 9(6), pp. 17-22.
  - Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016)**, Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT quy định về công tác y tế trường học.
  - Verguet, S., et al. (2023)**, "Investing in school systems: conceptualising returns on investment across the health, education and social protection sectors", BMJ Glob Health. 8(12).

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ VIÊM MẠN TÍNH CỦA NANG LÔNG TUYẾN BÃ THÔNG THƯỜNG MỨC ĐỘ TRUNG BÌNH, NẶNG TẠI BỆNH VIỆN DA LIỄU CẦN THƠ NĂM 2023-2024

Nguyễn Thị Yên Ba<sup>1</sup>, Huỳnh Văn Bá<sup>2</sup>, Từ Tuyết Tâm<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Mụn trứng cá thông thường là một bệnh viêm mạn tính của đơn vị tuyến bã nhờn. Intense Pulse Light (IPL) sử dụng nguồn ánh sáng kết hợp có quang phổ rộng, cường độ cao được chứng minh là phương pháp điều trị mụn trứng cá an toàn, ít tác dụng phụ. Việc nghiên cứu kết quả điều trị mụn trứng cá thông thường trung bình, nặng là việc làm hết sức cấp thiết. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá kết quả điều trị viêm mạn tính của đơn vị tuyến bã nhờn thông thường (Mụn trứng cá) mức độ trung bình, nặng bằng IPL tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ năm 2023-2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả loạt ca trên 36 bệnh nhân mụn trứng cá thông thường mức độ trung bình, nặng có lo âu được điều trị tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ từ tháng 05 năm 2023 đến tháng 05 năm 2024. **Kết quả:** Tỷ lệ điều trị thành công mụn trứng cá là 86,1%. Điều trị mụn trứng cá bằng IPL là an toàn, các tác dụng không mong muốn như đỏ da, đau, nóng ít gặp và đều ở mức độ nhẹ và tự khỏi, không cần phải can thiệp. **Kết luận:** Điều trị mụn trứng cá thông thường mức độ trung bình, nặng bằng IPL có tỷ lệ bệnh nhân hài lòng cao, tỷ lệ điều trị thành công cao, an toàn, giảm lo âu cho bệnh nhân.

**Từ khóa:** mụn trứng cá, điều trị, IPL.

### SUMMARY

#### EVALUATING THE RESULTS OF TREATING MODERATE AND SEVERE CHRONIC INFLAMMATORY DISEASE OF THE

<sup>1</sup>Bệnh viện Bình An

<sup>2</sup>Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Yên Ba

Email: nguyenthienba@gmail.com

Ngày nhận bài: 23.8.2024

Ngày phản biện khoa học: 20.9.2024

Ngày duyệt bài: 25.10.2024

### PILOSEBACEOUS UNIT AT CAN THO DERMATOLOGY HOSPITAL IN 2023-2024

**Background:** Acne vulgaris is a chronic inflammatory disease of the pilosebaceous unit. Moderate and severe acne vulgaris often leaves skin lesions, reduces aesthetics, and affects the physical and mental health of the patient. Intense Pulse Light (IPL) uses a combined light source with a broad spectrum and high intensity, which has been proven to be a safe treatment method for acne vulgaris with few side effects. Research on patient satisfaction and treatment results for moderate and severe acne vulgaris is extremely urgent. **Objective:** Evaluating the results of treating moderate and severe acne vulgaris with IPL at Can Tho Dermatology Hospital in 2023-2024. **Materials and methods:** Descriptive study of case series on 36 patients with moderate and severe acne vulgaris treated at Can Tho Dermatology Hospital from May 2023 to May 2024. **Results:** There was a clinical improvement in the severity of acne vulgaris. The rate of successful acne vulgaris treatment was 86.1%. Acne vulgaris treatment with IPL is safe. Unwanted effects such as redness, pain, and burning are rare (less than 30%) and are mild, that can resolve on their own without intervention. **Conclusion:** Treatment of moderate and severe acne vulgaris with IPL has a high patient satisfaction rate and fairly high treatment success rate, safe for patients and reduced anxiety. **Keywords:** acne vulgaris, treatment, satisfaction, IPL

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mụn trứng cá thông thường là một bệnh viêm mạn tính của đơn vị tuyến bã nhờn, thường để lại tổn thương trên da hoặc để lại sẹo mụn làm mất tính thẩm mỹ đặc biệt là vùng mặt, nơi mà bệnh nhân không thể che giấu khi tiếp xúc với mọi người. Từ đó, tác động không nhỏ đến đời sống, sinh hoạt, lao động, tinh cảm và thông